

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGA THÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /KH-UBND

Nga Thái, ngày tháng 01 năm 2025

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa xã Nga Thái năm 2025.**

Thực hiện Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Nga Sơn về kế hoạch chuyển đổi số năm 2025. UBND xã Nga Thái ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 với nội dung sau:

Phần 1

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỀ RA NĂM 2024

Trong năm 2024, hoạt động Chuyển đổi số đã được cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và được sự đồng thuận của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhân dân tham gia, do đó Chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2024 đã đạt được mục tiêu đề ra.

1. Nhận thức số.

1.1. Ngày Chuyển đổi số

- Kết quả đạt được:

+ UBND xã đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để cán bộ công chức, viên chức, nhân dân biết ngày 10/10 hàng năm là ngày chuyển đổi số.

+ Nội dung tuyên truyền thông qua Trang thông tin điện tử của xã; đài truyền thanh, mạng xã hội; băng zôn, ...

- Hạn chế tồn tại:

Chưa tổ chức hoạt động lớn trong dịp kỷ niệm ngày chuyển đổi số.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được.

- UBND xã đã ra quân, cùng với Công an xã, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp viễn thông, cài đặt định danh điện tử VNeID và các ứng dụng thanh toán, cài đặt sổ khám chữa bệnh điện tử nhằm giúp người dân thực hiện thành công các thủ tục hành chính toàn trình, một phần và không sử dụng tiền mặt trong các giao dịch thiết yếu tại nhà văn hóa thôn. Kết quả đạt được như sau:

- Tổng số tài khoản định danh điện tử được cấp trên địa bàn xã: 5.129 trường hợp;

- Tạo tài khoản cho người dân để khai thác, sử dụng các dịch vụ công trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và TKDV công quốc gia: 1.445 người (đạt tỷ lệ 28,17%).

- Tạo sổ khám chữa bệnh điện tử cho người dân là 4.398 tài khoản.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử:

+ Tổng số văn bản điện tử phát hành tại UBND xã Nga Thái tính từ 1/1/2024 đến 14/11/2024: 1.519 Văn bản – trong đó số văn bản có ký số Lãnh đạo và Cơ quan: 1.519 văn bản – đạt tỷ lệ 100%.

+ Tổng số văn bản điện tử đến cơ quan và giải quyết trên môi trường điện tử là 2.431 văn bản – tỷ lệ giải quyết sớm và đúng hạn 100%

- 100% Lãnh đạo, cán bộ, công chức được cấp chứng thư số và sử dụng thường xuyên.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).

- Tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến đạt 100%:

+ Tổng số TTHC giải quyết tại UBND xã Nga Thái tính từ 15/12/2023 đến 14/12/2024: 672 hồ sơ (Trong đó hồ sơ trực tuyến 646 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính: 26 hồ sơ)- Hồ sơ giải quyết trước hạn 568, đúng hạn 102, Trong hạn: 02 hồ sơ; hồ sơ quá hạn: 0.

b) Tồn tại, hạn chế

Số lượng người dân sử dụng điện thoại thông minh, máy tính kết nối mạng internet còn hạn chế; người dân tuổi cao, ngại thay đổi hình thức ứng dụng CNTT, viển thông vào cuộc sống, (thói quen sử dụng các dịch vụ truyền thống).

1.3 Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được.

Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình chuyển đổi số luôn được các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, triển khai đồng bộ từ đầu tư hạ tầng, đổi mới nội dung, hình thức, tần suất tuyên truyền, đa dạng các phương thức truyền thông, từ hệ thống truyền thanh cơ sở đến trang, cổng thông tin điện tử và sử dụng các nền tảng mạng xã hội để thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị- xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp

nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số.

Chủ tịch cấp xã là Trưởng ban Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của xã, các cuộc họp về chuyển đổi số của xã đều do Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của xã chủ trì.

- Công tác thông tin, tuyên truyền thông qua các hình thức sinh động, hiệu quả thông qua hội nghị, tập huấn, đài truyền thanh, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội (facebook, zalo, ...), tờ rơi, băng zon,... Kết quả đạt được:

+ Cán bộ công chức xã tham gia các lớp chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức: 04 lớp.

+ Số hội nghị UBND xã: 01

+ Số tin bài chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử xã: 40 tin.

+ Đài truyền thanh xã: Thường xuyên đọc các bài tuyên truyền, phát với tần suất phát sóng: phát 1 - 2 lần/tuần; 4-8 lần/ tháng, mỗi lần 03 - 05 phút.

+ Cổng thông tin điện tử của xã đã cập nhật Baner, tiêu đề, các Fame, bố cục các danh mục khoa học đầy đủ theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐCP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ.

Tồn tại, hạn chế

Một số người dân chưa có điều kiện thiết bị CNTT, Viễn thông (máy tính, điện thoại thông minh, mạng Internet, ...) để truy cập thông tin về chuyển đổi số nhanh nhất.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số

Tiếp tục chỉ đạo các phòng ban, đơn vị rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số và chỉ đạo việc đẩy mạnh thực hiện quá trình chuyển đổi số đối với tất cả các lĩnh vực, ngành nghề.

Năm 2024, UBND xã ban hành Kế hoạch và văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh quá trình thực hiện chuyển đổi số, cụ thể là:

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã về việc Chuyển đổi số trên địa bàn xã Nga Thái năm 2024.

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 27/05/2024 của UBND xã về việc tuyên truyền Chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2024.

b) Tồn tại, hạn chế

Nguồn kinh phí kích cầu hỗ trợ cho chuyển đổi số chưa nhiều.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

- Kết quả hoạt động:

UBND xã đã thành lập BCĐ chuyển đổi số; BCĐ Chuyển đổi số đã phân công nhiệm vụ từng thành viên; các thành viên sát sao, chỉ đạo lĩnh vực phụ trách.

b) Tồn tại, hạn chế

Hầu hết các thành viên BCĐ Chuyển đổi số không có nghiệp vụ về chuyên môn CNTT, viễn thông do vậy dễ nắm bắt tình hình thực tiễn của các đơn vị phụ trách để chỉ đạo gặp nhiều khó khăn.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được.

- Xã Nga An có trạm BTS (công nghệ 3G, 4G), cáp quang đáp ứng dịch vụ viễn thông phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ cán bộ công chức xã được trang bị máy tính làm việc là 20 máy tính/20 cán bộ, công chức = 100%.

- UBND xã đã có mạng LAN nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao phục vụ công tác.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình: Hiện có 1 điểm cầu hội nghị truyền hình

- Xã đã lắp đặt hệ thống Camera an ninh tại trụ xã và các trục đường chính.

- Có đài truyền thanh thông minh.

b) Tồn tại, hạn chế

- Số lượng máy tính của các cán bộ công chức cấp xã đã cũ, chất lượng kém.

4. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được.

- UBND xã phân công Công chức Văn phòng thống phụ trách CDS, CNTT, An toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế

UBND xã, cán bộ chuyên trách CNTT; CDS, An toàn thông tin không có chuyên môn CNTT, Viễn thông, kiêm nhiệm nhiều việc do vậy công tác tham mưu Chuyển đổi số gặp nhiều khó khăn.

5. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được.

UBND xã có Quyết định của Sở Thông tin và Truyền thông về Cấp độ an toàn hệ thống thông tin: Cấp độ 1.

- 100% các máy tính của cán bộ công chức được cài đặt phần mềm diệt vi rút.

b) Tồn tại, hạn chế

- Thiếu các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng; các hệ thống thông tin còn tồn tại lỗ hổng bảo mật, tiềm ẩn nguy cơ gây mất dữ liệu, lây nhiễm các phần mềm độc hại ảnh hưởng đến ứng dụng và phát triển CNTT.

- Một số cán bộ, người dân mất an toàn thông tin từ việc mất cảnh giác như lộ, lọt thông tin cá nhân, chiếm đoạt tài khoản ngân hàng, đánh cắp dữ liệu,

6. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức UBND xã

100% cán bộ công chức UBND xã thực hiện trên phần mềm TDOFFCE, tất cả các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định); thường xuyên sử dụng hòm thư điện tử công vụ.

+ Tổng số văn bản điện tử phát hành tại UBND xã Nga Thái tính từ 1/1/2024 đến 14/11/2024: 1.519 Văn bản – trong đó số văn bản có ký số Lãnh đạo và Cơ quan: 1.519 văn bản – đạt tỷ lệ 100%.

Tổng hợp số liệu báo cáo của UBND xã kết quả giải quyết TTHC từ ngày 15/12/2023 đến 14/12/2024, cụ thể như sau

- Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 1.656 hồ sơ, trong đó:

+ Số mới tiếp nhận trong kỳ là 672 hồ sơ : trực tuyến 646 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 26 hồ sơ

+ Số kỳ trước chuyển qua: 0 hồ sơ;

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 670 hồ sơ; trong đó:

+ Giải quyết trước hạn: 568 hồ sơ;

+ Đúng hạn: 102 hồ sơ;

+ Quá hạn: 0 hồ sơ

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 02 hồ sơ; trong đó:

+ Trong hạn: 02 hồ sơ;

+ Quá hạn: 0.

- 100 % hồ sơ TTHC của xã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên hệ

thống một cửa điện tử, công dịch vụ công của tỉnh và Công dịch vụ công Quốc gia.

- Tuyên truyền và triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến vượt chỉ tiêu UBND tỉnh giao; Hồ sơ TTHC tại cấp xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Về tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến:

+ Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024, hồ sơ mức độ một phần là 407/407 hồ sơ đạt 100 %. MĐ toàn trình: 115/115 hồ sơ, đạt 100 %; Hồ sơ chứng thực điện tử 247 hồ sơ, Hồ sơ liên thông: 141 hồ sơ (Trong đó có 114 hồ sơ khai sinh liên thông, 27 hồ sơ liên thông khai tử).

Cổng thông tin điện tử của xã đã cập nhật Baner, tiêu đề, các Fame, bố cục các danh mục khoa học đầy đủ theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ- CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ. Xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số.

Số lượng phòng họp trực tuyến UBND xã: 01/01=100%. Phòng họp trực tuyến được giao cho 01 Cán bộ Văn hóa phối hợp với các đơn vị liên quan vận hành và kết nối trực tuyến khi có yêu cầu họp. Ban hành Quy chế hoạt động vận hành đảm bảo theo thời gian quy định, thực hiện nghiêm giải pháp kỹ thuật của tổ vận hành hệ thống, kết nối thử đảm bảo đường truyền trước khi diễn ra hội nghị. Hoạt động của các cuộc họp tốt, chất lượng âm thanh, hình ảnh rõ nét, không bị gián đoạn cuộc họp. Hoạt động tương tác giữa chủ trì cuộc họp và các thành phần hội nghị diễn ra thông suốt có thể kết nối 4 cấp khi có yêu cầu kết nối.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số thời điểm đường truyền internet nghẽn mạng dẫn đến vào các phần mềm TDOFICE còn khó khăn.

7.Kinh tế số

a) Kết quả đạt được.

- Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác, Trên địa bàn xã có 1 doanh nghiệp đạt sản phẩm OCOP đưa sàn thương mại điện tử voso.vn

- Hướng dẫn, phát động phong trào trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để

giao dịch trực tuyến.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân còn thói quen sản xuất, kinh doanh và thanh toán bằng hình thức truyền thống, ngại tư duy, ngại đổi mới.

8.Xã hội số

a) Kết quả đạt được.

- Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cho tổ công nghệ số cộng đồng và người dân về chuyển đổi số; bảo vệ an toàn thông tin trên môi trường mạng. Hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nộp tiền học phí, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, thanh toán giao dịch,

- Khuyến khích, động viên người dân sử dụng điện thoại thông minh, ứng

dụng internet; khai thác ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, mô hình phát triển kinh tế, ...

b) Tồn tại, hạn chế

Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh, ứng dụng internet, biết sử dụng CNTT và giao dịch điện tử còn thấp.

Phần 2

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành

Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- *Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";*

- *Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;*

- *Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;*

- *Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

- *Nghị quyết số 214/2022/HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026;*

- *Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;*

- *Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

- *Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;*

- *Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn*

tỉnh Thanh Hóa;

- Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 10/11/2021 về truyền thông hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 29/4/2022 về ban hành kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Kế hoạch hành động số 60-KH/HU ngày 03/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy Nga Sơn về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 65/KH-UBND huyện ngày 24/3/2022 của UBND huyện về việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện Nga Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Nga Sơn về kế hoạch chuyển đổi số năm 2024;

- Quyết định 1564/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND huyện Nga Sơn về việc giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện Nga Sơn giai đoạn 2022-2025.

II.MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi số tổng thể và toàn diện từ cơ quan nhà nước, đến người dân, doanh nghiệp về cách sống, cách làm việc, phương thức sản xuất và tiêu thụ dựa trên công nghệ số; sử dụng chữ ký số và giải quyết công việc trên môi trường mạng; đồng thời phát triển nền tảng số phục vụ kết nối liên thông đa chiều, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống báo cáo của Trung ương, của tỉnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn huyện; triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện; Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, các cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; xây dựng Chính quyền số hoạt động hiệu quả, gắn với phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, cải cách hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chính quyền số

- 100% CBCC có máy tính kết nối mạng Lan, Internet phục vụ công việc.
- UBND xã khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả,
 - 100 % cán bộ, công chức UBND xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.
 - 100 % lãnh đạo, cán bộ, công chức UBND xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử.
 - 100 % các văn bản, hồ sơ công việc UBND xã được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).
 - 100 % hồ sơ TTHC tại UBND xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử;
 - 65 % hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến trên môi trường mạng; 65% hồ sơ trực tuyến toàn trình (theo Quyết định số 5050/QĐ-UBND chỉ tiêu được giao về tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến)
- 90% trở lên người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.
 - 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.
 - 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ.

- 100% hệ thống thông tin đang trong quá trình thiết kế, xây dựng, nâng cấp, mở rộng phải được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin hoặc cập nhật, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ, triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành, khai thác.

2.2. Kinh tế số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường điện tử.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề, hộ kinh doanh và người dân được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác; mua bán, phân phối hàng hóa trên môi trường mạng và được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc.

- 70% trở lên doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử.

- 70 % trở lên doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- 60% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.

2.3. Xã hội số

- 70% trở lên người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được thông tin, phổ biến, đào tạo về các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số (y tế, giáo dục, ...).

- 80% trở lên dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- 70% trở lên dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 65% trở lên dân số trưởng thành có điện thoại thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản,

- 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- 20% trở lên dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.

- 100% các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.

- 100% tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử.

- 40% trở lên dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- 30% trở lên dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 70% trở lên hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

2.4.Hạ tầng số

- Triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được phủ đến các hộ gia đình đạt 100%.
- Hạ tầng trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.
- 100% CBCC có máy tính phục vụ công việc.
- Duy trì hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương
- Duy trì các địa điểm quan trọng trên địa bàn xã (như nhà văn hoá.....) có điểm phát wifi.
- Duy trì hệ thống Camera an ninh được kết nối đến công an xã để quản lý và giám sát.
- Bưu điện xã có tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.
- Duy trì hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông – CNTT.
- Phối hợp, triển khai hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại cấp huyện, cấp xã được kết nối vào đường truyền số liệu chuyên dùng.
- Đảm bảo cán bộ công chức có máy tính kết nối mạng Lan, Internet, hòm thư công vụ phục vụ công việc.
- Duy trì hệ thống Camera an ninh, phòng họp trực tuyến; kết nối hệ thống Camera an ninh cấp xã đến Công an huyện để quản lý và giám sát.
- Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông cấp huyện, cấp xã trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.
- Triển khai hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT cấp huyện, cấp xã.

III.NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số.

- Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động.
- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, để phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- Tìm hiểu nhận thức về Chuyển đổi số trong cơ quan, trường học, doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn xã.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số

- Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành, tỉnh, huyện về Chuyển đổi số phù hợp với điều kiện của xã nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn xã.

- Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn xã Nga Thái năm 2024.

- Kế hoạch tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2024.

2.2. Hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số năm 2024.

- Tiếp tục chỉ đạo các thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã được phân công phụ trách các nhiệm vụ.

3. Hạ tầng số

- Triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được phủ đến các hộ gia đình.

- Phối hợp, triển khai hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại xã được kết nối vào đường truyền số liệu chuyên dùng.

- Đảm bảo cán bộ công chức có máy tính kết nối mạng Lan, Internet, hòm thư công vụ phục vụ công việc.

- Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.

- Đầu tư mua sắm phần mềm Windows bản quyền (*máy tính của lãnh đạo, văn thư, công chức*) để đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin.

4. Dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai toàn diện và hiệu quả “*Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*” trên địa bàn toàn huyện.

- Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*đăng ký quản lý hộ tịch, công chứng chứng thực, emit, phổ cập, EQMS, quản lý nhân sự Tmit, hệ thống thông tin quản lý trợ giúp xã hội và giảm nghèo, hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS, sổ khám sức khỏe điện tử, thẻ điện tử, ...)*); phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

5. Nền tảng số

- Phối hợp các cấp, ngành tổ chức triển khai và khai thác, sử dụng có hiệu quả các nền tảng số như: CSDL quốc gia về dân cư; hệ thống thông tin giải

quyết thủ tục hành chính; bản đồ số; họp trực tuyến thể hệ mới; CSDL về đất đai; CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; CSDL quốc gia về bảo hiểm hóa đơn điện tử; địa chỉ số; dạy học trực tuyến; dữ liệu số nông nghiệp; hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; thương mại điện tử, ...

- Phối hợp các đơn vị liên quan, chuyển đổi toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin, Internet trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các loại hình dịch vụ (thanh toán điện, nước, học phí, viện phí, phí rác thải, thương mại điện tử, đấu giá tài sản, ...).

- UBND xã; Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức triển khai nền tảng số phục vụ người dân: giải trí: VTVGo: <https://vtvgo.vn>; mua sắm: sàn thương mại điện tử Voso.vn và sàn thương mại điện tử Postmart.vn; trình duyệt và công cụ tìm kiếm: Cốc Cốc; đi lại: AN VUI: <https://anvui.vn>; ...

6. Nhân lực số

- Kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số khi có sự thay đổi .

- Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng nếu có sự thay đổi về thành viên (*nếu có*).

- UBND xã phân công nhiệm vụ cán bộ phụ trách Chuyển đổi số ở từng lĩnh vực.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 6 năm 2023.

7.2. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp,

thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7.3. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn xã.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, ứng cứu sự cố.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

8. Chính quyền số

8.1. Ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước.

- Duy trì 100% văn bản, hồ sơ công việc của UBND xã được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (*trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật*). Xây dựng và ban hành quy trình tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ, hồ sơ điện tử trên hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc tại đơn vị.

- Duy trì 100% cán bộ công chức UBND xã sử dụng Hộp thư điện tử công vụ để thực thi công việc (*Không sử dụng Hộp thư: gmail, yahoo*). 60% công chức, trường học sử dụng Hộp thư điện tử công vụ để thực thi công việc.

- Duy trì hệ thống phòng họp trực tuyến; hệ thống camera giám sát.

8.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử. Đảm bảo số lượng tin, bài cập nhật hằng tuần trên cổng thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Thực hiện Hồ sơ TTHC tại UBND xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng nhập hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

9. Kinh tế số

9.1. Phát triển thương mại điện tử

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể lựa

chọn các sản phẩm nông sản, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP, các sản phẩm đặc thù của địa phương để quảng bá, tiếp thị và bán hàng trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội.

- Quảng bá, cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ qua các kênh phân phối như: Voso, Postmart, Sendo, Tiki, Amazon, Zalo, Facebook, ...; chủ động liên hệ với các sàn thương mại điện tử để cung cấp các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; đảm bảo chất lượng hàng hóa, thiết kế bao bì sản phẩm, quy trình sản xuất bảo quản sản phẩm, khả năng truy xuất nguồn gốc khi cung cấp trên sàn thương mại điện tử.

- Tuyên truyền cho người dân tạo tài khoản, viết bài, chụp ảnh, xây dựng các video quảng bá về sản phẩm, dịch vụ để đăng trên các sàn thương mại điện tử, trên các mạng xã hội. Các tài liệu hướng dẫn được cung cấp rộng rãi, dễ tiếp cận đối với người dân tại trụ sở UBND xã, các nhà văn hóa thôn, trên Trang thông tin điện tử.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, khuyến khích người dân tham gia vào các chương trình triển khai Thương mại điện tử. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tin cậy cho các giao dịch thương mại điện tử.

- Phối hợp với cấp trên mở các lớp tập huấn, các chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người dân đặc biệt là các chương trình như cách quảng cáo, quảng bá sản phẩm trên môi trường mạng.

- Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode trong hoạt động thương mại điện tử.

9.2. Triển khai thanh toán điện tử

- Triển khai các ứng dụng thanh toán điện tử từ đó giảm việc thanh toán bằng tiền mặt trong sử dụng các dịch vụ hành chính công, mua bán trực tuyến, hóa đơn tiền điện, tiền nước, tiền học phí và các dịch vụ khác.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức, những lợi ích, tiện ích cho người dân, nhằm thúc đẩy các dịch vụ thanh toán điện tử.

- Hướng dẫn, hỗ trợ cho người dân mở các tài khoản ngân hàng, ví điện tử, một cách thuận tiện, thuận lợi, miễn phí.

9.3. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi sang sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường

ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo các mô hình sản xuất mới phù hợp, hiệu quả.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng các nền tảng số Quốc gia để chuyển đổi số.

9.4. Phát triển doanh nghiệp số

- Khuyến khích các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

9.5. Chuyển đổi số trong nông nghiệp

Áp dụng các công nghệ hiện đại trong canh tác nông nghiệp, liên kết theo chuỗi giá trị và thay đổi phương thức quản trị.

10. Xã hội số

10.1. Công dân số

- Khuyến khích người dân sử dụng điện thoại thông minh để sử dụng các dịch vụ số; tương tác với chính quyền qua môi trường số.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân ứng dụng CNTT, sử dụng các dịch vụ số (*dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh,...*); tương tác với chính quyền thông qua môi trường số (*tiếp nhận thông báo từ chính quyền; gửi phản ánh, kiến nghị với chính quyền thông qua môi trường số,...*).

- Tuyên truyền, hướng dẫn để người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản điện tử, sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tuyên truyền, vận động người dân đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử (*Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử*).

10.2. Đào tạo nhân lực số

- Lãnh đạo quản lý, CBCC, viên chức, người lao động trên địa bàn xã tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số do cấp trên tổ chức.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng giải pháp học trực tuyến nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.

- Trường THCS tổ chức truyền thông, hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sử dụng CNTT, an toàn thông tin, sẵn sàng cho môi trường số, tạo thể hệ

công dân số.

- Đoàn Thanh niên phối hợp với bưu điện văn hóa xã thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tích cực sử dụng các dịch vụ số.

10.3. Sử dụng các dịch vụ số

- Triển khai các dịch vụ giáo dục số:

+ Triển khai thống nhất, đồng bộ, đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD-Office) của tỉnh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

+ Hệ thống hỗ trợ phụ huynh học sinh đăng ký tuyển sinh trực tuyến, tra cứu thông tin tuyển sinh.

+ Triển khai các ứng dụng: Sổ liên lạc điện tử, tin nhắn SMS, trang thông tin điện tử, điểm danh thông minh,... tại các trường học.

- Triển khai các dịch vụ y tế số:

+ Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng và nền tảng tư vấn, hỗ trợ chăm sóc tư vấn sức khỏe từ xa (như dịch vụ của công ty Medici hoặc vov24, sổ sức khỏe điện tử, ...), nhằm giảm tải cho các bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh và trung ương, cho phép người dân theo dõi tình trạng sức khỏe của mình.

- Triển khai các ứng dụng dịch vụ số trong các lĩnh vực khác.

10.4. Triển khai các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin

- Xây dựng mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số VPostcode:

- Phối hợp với doanh nghiệp bưu chính triển khai số hóa địa chỉ nhà dân, các cơ quan, đơn vị hình thành cơ sở dữ liệu về bản đồ số của xã phục vụ phát triển thương mại điện tử, chuyển phát bưu chính và logistics.

II. GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong

ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Tổ chức các hội nghị giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho lãnh đạo, CBCCC, viên chức, người lao động và nhân dân.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài truyền thanh, Trang thông tin điện tử; fanpage, băng zôn, vi nhép, pano, ...

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã

Chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện chương trình và các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Công chức VP – TK.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền Chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch tập huấn Chuyển đổi số năm 2024.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024.

- Phối hợp các ban ngành đẩy nhanh việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành cho lãnh đạo xã.

- Triển khai phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, ... và phần mềm khen thưởng

3. Công chức Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, tham mưu cho UBND xã cân đối, bố trí vốn đầu tư phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của xã để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng chính quyền số do cơ quan nhà nước thực hiện đầu tư theo Luật đầu tư công.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

4. Công chức VH-XH.

- Tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương điển hình về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử; Đài truyền thanh xã.

- Phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực của mình phụ

trách;

5. Công chức Địa chính- XD (phụ trách nông nghiệp)

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn xã.

- Hướng dẫn, xây dựng và phát triển mô hình thôn, hợp tác xã, hộ sản xuất Chuyển đổi số; cập nhật thông tin thị trường, tập huấn kỹ năng bán sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử (sản phẩm OCOP, chợ điện tử, bán hàng online,...).

6. Công an xã

- Triển khai kết nối, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công dân số; hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư và phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Xây dựng kết nối hệ thống camera giám sát an ninh trật tự từ.

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo bí mật nhà nước, an ninh mạng, ... trên địa bàn xã.

7. Mặt trận TQ và đoàn thể; doanh nghiệp, các trường học đóng trên địa bàn xã.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý trong kế hoạch này.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền sâu rộng về nội dung kế hoạch này và các văn bản liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và Nhân dân.

- Chỉ đạo theo ngành dọc, phối hợp UBND xã thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến tận hội viên, đoàn viên và Nhân dân.

9. Cán bộ Bưu điện văn hóa xã

- Tham gia làm nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

10. Trạm y tế xã

- Đưa vào ứng dụng đồng bộ có hiệu quả hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn xã Nga Thái năm 2025. UBND xã đề nghị các ban ngành, các đồng chí cán bộ công chức; doanh nghiệp tư nhân, viên chức triển khai tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Phòng VH & TT (B/c);
- Thường trực Đảng ủy (B/c);
- Thành viên BCD chuyển đổi số xã;
- Tổ công nghệ số cộng đồng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Tuấn